TRÍ TUỆ BA LA MẬT

(Paññāpāramī)

I. Ý nghĩa của Trí Tuệ Ba la Mật

1. Trí Tuệ là gì?

Trí tuệ (paññā) là sự sáng suốt của tâm, sự hiểu biết đúng đắn, sự hiểu biết về nhân quả, sự thấu hiểu về vô thường (aniccā), khổ (dukkhā), và vô ngã (anattā), sự hiểu rõ con đường đưa đến đoạn tận khổ đau.

Chức năng của Trí Tuệ (paññā) là loại bỏ si mê (moha), cũng gọi là Vô Minh (avijjā). Trong Vi Diệu Pháp, Trí tuệ (paññā), ñāṇa (tuệ), amoha (vô si) đồng nghĩa với nhau.

Bốn ý nghĩa của Trí tuệ:

- Trí tuệ có trạng thái là hiểu biết đúng đắn (yathābhūtapaṭivedha-lakkhaṇaṃ).
- Phận sự của trí tuệ là làm cho đối tượng sáng tỏ hay phá tan sự tăm tối của tư tưởng (visayobhāsanarasaṃ).
- Sự hiện bày của trí tuệ là không si ám (asammoha-paccupaṭṭhānaṃ).
- Nhân cần thiết của trí tuệ là khéo tác ý (yonisomanasikāra-padaṭṭhānaṃ), hoặc ngũ quyền đồng đều, hoặc xa lìa phiền não, hoặc tục sinh bằng tâm tam nhân.

Trí tuệ có 3 loại: Trí Văn (Sutamayapaññā), Trí Tư (Cintamayapaññā) và Trí Tu (Bhāvanāmayapaññā).

1. Trí Văn (Sutamayā Paññā):

Là trí tuệ phát sanh do nghe nhiều, tìm tòi học hỏi, ghi nhớ, nghiên cứu chánh pháp.

2. Trí Tư (Cintamayapaññā):

Là trí tuệ sáng suốt phát sanh do suy xét, tư duy đúng đắn về chánh pháp

3. Trí Tu (Bhāvanāmayapaññā):

Trí Tu là trí tuệ sáng suốt, sự hiểu biết đúng đắn do tu thiền đạt được sự chứng ngộ, trí tuệ đạt được do tu thiền định, là sự chứng đắc các tầng thiền và thắng trí (abhiñña) và trí tuệ đạt được do tu tập thiền quán (vipassanā), là sự thành tựu các tầng Tuệ minh sát (vipassanāñāṇa). Trí văn và Trí tư làm nền tảng cho Trí Tu phát sanh.

Trí văn và Trí tư là trí tuệ tương ưng tâm thiện dục giới, Trí tu là trí tuệ tương ưng trong tâm thiền hiệp thế và tâm siêu thế.

Thắng trí (abhiññā) còn gọi là thần thông, là trí tuệ siêu việt phát sinh từ thiền định, trí tuệ này đồng sanh trong tâm thiện ngũ thiền và tâm Duy tác ngũ thiền Sắc giới, có khả năng biết đặc biệt rất phi thường do năng lực của thiền-định, còn gọi là abhiññācitta (Tâm thần thông). Có năm loại thần thông:

1) Thần Túc Thông (iddhividhā abhiññā) hay biến hoá thần thông: là khả năng biến một thân thành nhiều thân, tàng hình, độn thổ, bay trên hư không, tự hóa mình hay hóa người khác ra thành một vật nào đó như ý muốn v.v...
2) Thiên Nhãn Thông (dibbacakkhu abhiññā): là khả năng thấy xa, thấy xuyên qua tường, thấy dưới lòng đất (khác với Sanh tử minh là thấy rõ nhân quả nghiệp báo luân hồi sinh tử của chúng sinh).
3) Thiên Nhĩ Thông (dibbasota abhiññā): là khả năng nghe được tiếng nói từ xa, tiếng nói của chư thiên hay những loài khác.
4) Túc mạng thông (pubbenivāsānussati abhiññā): là khả năng nhớ lại một số kiếp trước của mình hay của người khác.
5) Tha tâm thông (paracittavijānana abhiññā): khả năng đọc được tâm tư, ý nghĩ của người khác.

Tuệ Minh Sát (Vipassanāñāṇa) tức là trí tuệ thấy biết đúng như thật thực tính của Danh Sắc. Theo bộ Visuddhimagga, gồm có 16 tầng Tuệ minh sát, hay Mười sáu trí (Soḷasañāṇa), đó là:

1. Tuệ phân biệt Danh Sắc (nāmarūpapariccheḍañāṇa) là trí tuệ hiểu đúng thực tính của Danh Sắc. Trí tuệ phân biệt rõ thực tính riêng của Danh Sắc.
2. Tuệ Phân biệt nhân duyên (Paccayapariggahañāṇa) là trí tuệ biết rõ nhân duyên phát sanh Danh Sắc.
3. Tuệ thẩm sát tam tướng (sammasanañāṇa) là trí tuệ hiểu rõ tam tướng của Danh Sắc là Vô thường (aniccā), Khổ não (dukkha) và Vô Ngã (anattā).
4. Sanh diệt tuệ (Udayabbayañāṇa) là trí tuệ thấy rõ sự sanh và diệt của Danh Sắc.
5. Hoại diệt tuệ (Bhaṅgañāṇa) là trí tuệ chỉ nhận thấy tánh hoại diệt của Danh Sắc.
6. Kinh úy tuệ (Bhayañāṇa): là trí tuệ thấy rõ tính chất đáng sợ của Danh Sắc, vì chúng hoại diệt quá nhanh và không ngừng nghĩ.
7. Nguy hại tuệ (Ādīnavañāṇa) là trí tuệ thấy sự nguy hiểm của Danh Sắc.
8. Yếm ly tuệ (Nibbidāñāṇa): là trí tuệ nhàm chán, khi thấy rõ sự nguy hiểm của Danh Sắc thì hành giả nhàm chán, không thiết tha với cái gì nữa.
9. Dục thoát tuệ (Muñcitukamyatāñāṇa) là khi trí tuệ nhàm chán đối với Danh Sắc, hành giả mong muốn thoát khỏi thực trạng Danh Sắc.
10. Quyết ly tuệ / Tuệ giản trạch (Paṭisaṅkhārañāṇa) là trí tuệ hồi quán, thẩm xét tam tướng của Danh Sắc để củng cố tuệ mạnh hơn hầu thoát khỏi các pháp hữu vi.
11. Hành xả tuệ (Saṅkhārupekkhāñāṇa) là trí tuệ quán sát tam tướng thuần thục già dặn, biết rõ rằng pháp hữu vi thực tính là vậy, có diễn tiến là vậy, tâm của hành giả bình thản, dửng dưng, không thấy sợ, không chán ghét, xem đó là vận hành tự nhiên của pháp hữu vi.

12. Thuận thứ tuệ (Anulomañāṇa): là trí tuệ thuận hướng níp-bàn, lấy níp-bàn làm đối tượng.
13. Chuyển tộc tuệ (Gotrabhūñāṇa) là trí tuệ chấm dứt chủng tử phàm phu. Tuệ này vẫn là phàm trí, lấy Níp Bàn làm đối tượng.
14. Đạo Tuệ (maggañāṇa) là trí tuệ đồng sanh trong tâm Đạo, là thánh trí siêu thế, có mãnh lực diệt trừ phiền não. Đạo Tuệ lấy Niết Bàn làm đối tượng. Có 4 loại Đạo Tuệ: Tu Đà Hườn Đạo, Tư Đà Hàm Đạo, A Na Hàm Đạo, A La Hán Đạo.
15. Quả Tuệ (phalañāṇa) là trí tuệ đồng sanh trong tâm Quả, là thánh trí siêu thế do thánh Đạo sanh, chứng ngộ Niết Bàn. Có 4 loại Quả Tuệ: Tu Đà Hườn Quả, Tư Đà Hàm Quả, A Na Hàm Quả, A La Hán Quả.
16. Phản khán tuệ (Paccavekkhanañāṇa): là trí tuệ Dục giới của bậc đã đắc đạo quả, quán xét lại các phiền não đã tuyệt trừ, quán xét lại những phiền não chưa tuyệt trừ, quán xét lại Đạo tuệ, Quả tuệ đã đắc, quán xét lại Níp-bàn đã tỏ ngộ.

Trong 16 tuệ minh sát này, chỉ có Đạo tuệ và Quả tuệ là Trí tuệ siêu thế; 14 Tuệ minh sát còn lại là Trí tuệ hiệp thế.

2. Trí tuệ Ba la mật (Paññāpāramī) là gì?

Trí tuệ Ba la mật (Paññāpāramī) là vị Bồ tát rèn luyện trí tuệ minh mẫn, sáng suốt, thông suốt lý lẽ, hiểu biết đúng chân lý, hiểu rõ nhân quả, trau giồi đủ cả Trí văn, Trí tư và Trí tu với nguyện vọng mong đạt đến chứng đắc Đạo Quả giải thoát, dựa trên nền tảng tâm đại bi (mahākaruṇā) và phương tiện Trí tuệ thiện sảo (Upāyakosallañāṇa).

Trí tuệ Ba la mật có ba bậc:

a) Trí tuệ Ba la mật bậc hạ (Paññāpāramī):
Là vị Bồ tát thiết tha trau giồi trí tuệ dù phải thiệt hại về tài sản.
b) Trí tuệ Ba la mật bậc trung (Paññā-upapāramī):
Là vị Bồ tát thiết gia trau giồi trí tuệ dù phải hy sinh tứ chi.
c) Trí tuệ Ba la mật bậc thượng (Paññā-paramatthapāramī):

Là vị Bồ tát thiết gia mong cầu trí tuệ một cách mãnh liệt cho dù phải hy sinh mạng sống.

Trí tuệ là nguyên nhân chính yếu cho sự thành tựu các pháp Ba-la-mật như bố thí, trì giới v.v… "Không có Trí tuệ thì các pháp Ba-la-mật như bố thí, trì giới, v.v… không thể thanh tịnh được.

II. Cách thức thực hành Trí tuệ Ba-la-mật:

Vị Bồ tát thực hành Trí tuệ Ba-la-mật, tránh các nguyên nhân của si mê như lười biếng, ham ngủ, v.v…và chuyên tâm thực hành các pháp đem lại trí tuệ sâu rộng, thực hành thiền định chứng đắc các tầng thiền, và thực hành Thiền quán (vipassana) thành tựu các tầng Tuệ minh sát v.v…. trau giồi phát triển Trí Văn, Trí Tư và Trí tu.

Suốt thời gian trước khi chứng Phật quả, vị Bồ tát cố gắng chứng đạt các tầng thiền và thần thông, với sự hỗ trợ to lớn của Định kết hợp với các tầng thiền và thần thông, Ngài đạt đến đỉnh cao của Trí tuệ.

Điều đặc biệt nên chú ý là trong sự tu tập trí tuệ của vị Thinh văn tương lai được giải thích là lên đến giai đoạn đắc đạo. Tuy nhiên trong bộ sách Thanh tịnh đạo, tất cả những cố gắng của vị Bồ tát trong việc tu tập thiền quán, có nền tảng là tâm Đại bi (Mahā-karunā) và Phương tiện trí thiện xảo (Upāyakosallañāṇa), chỉ đạt đến Hành xả trí (Saṅkhārupekkhā ñāṇa) mà thôi, không tiến sâu vào Đạo Quả (Ñānadassana-visudhi).

Bảy cách trau dồi Trí tuệ:

1. **Paripucchakatā**: Thường xuyên vấn hỏi các bậc trí tuệ.
2. **Vatthuvisadakiriyā***:* Làm sạch các vật cả bên trong và bên ngoài của thân.
3. **Indriya sampatta patipādanā**: giữ quân bình ngũ quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ).

4. **Duppañña puggala parivajjanam**: Tránh tiếp xúc với những người không có trí tuệ.
5. **Paññavanta puggalasevana**: Thân cận với các bậc trí tuệ.
6. **Gambhirananacariya paccavekkhana***:* Quán tánh chất của Pháp như là chỗ đến của trí tuệ thâm sâu. Như quán danh sắc, uẩn, xứ, giới, đế...
7. **Tadadhimuttata**: Có khuynh hướng phát triển trí tuệ. (Trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm và ngồi chỉ nên hướng về sự phát triển trí tuệ. Có tâm như vậy là một trong những nguyên nhân phát triển trí tuệ).